

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chương trình giáo dục mầm non thực hiện	Thực hiện chương trình dạy trẻ từ 18 đến 36 tháng theo chương trình giáo dục mầm non của Bộ quy định	Thực hiện chương trình dạy trẻ từ 36 đến 72 tháng theo chương trình giáo dục mầm non của Bộ quy định
II	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được		
1	Chất lượng nuôi dưỡng trẻ	Protit: 19,1-31,7g Lipit: 19,4-28g Gluxit: 70-80g Rau: 40-50g Calo: 600-660g	Protit: 19,5-35g Lipit: 16,6-27g Gluxit: 78-105g Rau: 40-60g Calo: 620-730g
2	Chất lượng chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn cho trẻ	100% trẻ được ăn bán trú tại trường. 100% trẻ được khám sức khỏe theo quy định từng độ tuổi đối với từng đối tượng trẻ. Phần đầu 98,5% trẻ phát triển bình thường, giảm tỉ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân dưới và suy dinh dưỡng thấp còi dưới 1,5%, không chế trẻ béo phì. Giảm tỉ lệ trẻ mắc bệnh tai mũi họng, sâu răng dưới 10%. Trên 95% trẻ có nề nếp thói quen, tự phục vụ theo độ tuổi.	Phần đầu 100% trẻ được khám sức khỏe theo quy định từng độ tuổi đối với từng đối tượng trẻ. Phần đầu 98,5% trẻ phát triển bình thường, giảm tỉ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân dưới và suy dinh dưỡng thấp còi dưới 1,5%, không chế trẻ béo phì. Giảm tỉ lệ trẻ mắc bệnh tai mũi họng, sâu răng dưới 10%. Trên 95% trẻ có nề nếp thói quen, tự phục vụ theo độ tuổi.
3	Chất lượng giáo dục trẻ	- Tỷ lệ chuyên cần đạt 90-96% - Chất lượng kiểm định theo độ tuổi: + Thể chất: Đạt: 96-97% CCG: 1-2% Chưa đạt: 1-2%	- Tỷ lệ chuyên cần đạt 90- 96% - Chất lượng kiểm định theo độ tuổi: + Thể chất: Đạt: 96-97% CCG: 1-2% Chưa đạt: 1-2%

		+ Nhận thức: Đạt: 96 - 98% CCG: 1-3%: Chưa đạt: 0,5-1% + Ngôn ngữ: Đạt: 95-96% CCG: 2-3% Chưa đạt: 0,5-2% + TCKN - XH: Đạt: 95 - 98% CCG: 1 - 3% Chưa đạt: 1 - 2% + Thẩm mỹ: Đạt: 95-96% CCG: 1-3% Chưa đạt: 0,5-2%	+ Nhận thức: Đạt: 96 - 98% CCG: 1-3%: Chưa đạt: 0,5-1% + Ngôn ngữ: Đạt: 95-96% CCG: 2-3% Chưa đạt: 0,5-2% + TCKN - XH: Đạt: 95 - 98% CCG: 1 - 3% Chưa đạt: 1 - 2% + Thẩm mỹ: Đạt: 95-96% CCG: 1-3% Chưa đạt: 0,5-2%
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	-Thực hiện chăm sóc giáo dục trẻ hòa nhập (Nếu có)	Thực hiện chăm sóc giáo dục trẻ hòa nhập (Nếu có)

Tân Thành, ngày 30 tháng 9 năm 2024



Đỗ Thị Hồng Thắng

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non đầu năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	14	1,27
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	11	1
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	3546 m ²	11
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1055 m ²	3.3
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	636 m ²	1.98
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	516 m ²	1,6
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	210 m ²	0,65
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	325 m ²	1,01
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	144m2	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	144m2	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	80 m ²	0,25
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Đảm bảo theo thông tư 02 và thông tư 34/2013/TT- BGD của Bộ Giáo dục và Đào tạo (các lớp đạt 100)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	01 bộ/lớp	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	13 loại	
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	- Máy vi tính: 17 chiếc - Máy chiếu: 01 chiếc	01 máy tính/lớp
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	16	01
2	Máy phô tô	01	

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	26.5		264		0.82
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIV	Kết nối internet	X	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XVI	Tường rào xây	X	

Tân Thành, ngày 20 tháng 9 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Thị Hồng Chàng

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, đầu năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	34			20	6	3	5		26					
I	Giáo viên	22			16	6	0			22					
1	Nhà trẻ	4			3	1				4					
2	Mẫu giáo	18			13	5				18					
II	Cán bộ quản lý	3			3					3					
1	Hiệu trưởng	1			1					1					
2	Phó hiệu trưởng	2			2					2					
III	Nhân viên	9			1		3	5							
1	Nhân viên văn thư	0													
2	Nhân viên kế toán	1			1					1					
3	Thủ quỹ	0													
4	Nhân viên y tế	0													
5	Nhân viên khác (LC+BV)	2						2							
6	Nhân viên nấu ăn	6					3	3							

Tân Thành, ngày 20 tháng 9 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

TRƯỜNG
MẦM NON
TÂN THÀNH
ĐỖ THỊ HỒNG CHÀNG